

COMPANY PROFILE

公司简介

建兴商务与建筑投资股份公司

地址：清化省鹤城坊Big C大超市规划平面NP01- NP2 10地块

Hotline: 0973 774 262

致尊敬客户的信	03
公司介绍	04
财经能力	06
经营领域	07
愿景-使命	08
核心价值	09
公司办公室	10
组织架构	11
人事	12
劳动安全	14
设备能力	16
2024 年度财务报告	17
代表的建筑各项目工程	21



COMPANY
PROFILE

公司简介

致亲爱客户的信
尊敬的客户：

首先，建兴商务与建筑投资股份公司谨向尊敬的客户致以最诚挚的谢意，衷心感谢贵客 户一直以来对我们公司产品与服务的关注、支持与信任。

尊敬的客户，建筑行业，作为国民经济的支柱之一，它不仅决定了社会与国家的规模和技术水平，更在推动国家工业化与现代化进程中发挥着至关重要的作用。我公司秉承对祖国建设事业的深厚热爱与无私奉献精神，由一支充满激情、才智与奉献精神的THANH HOA(清化)人共同创立。公司汇聚了一支充满活力、创新精神与专业素养的工程师团队，秉承服务建筑行业的使命，致力于在以下五大领域开展业务：

施工安装 - 投资 - 咨询 - 商贸服务 - 物流

多年来，建兴商务与建筑投资股份公司已经圆满完成了众多工业与民用工程项目。公司以成为国内领先的建筑公司之一并在世界上占有一席之地为发展目标，持续自我完善，积极融入现代化与专业化的全面发展趋势。我司在投资与建筑领域已经并且正在确立了稳固的地位，并持续不断地完善与发展这一优势。我司以谦虚的态度，愿意倾听并深入理解客户需求，凭借热情的咨询与分享，我们帮助众多投资者顺利完成投资手续，并成功建设了多个大规模工程项目。秉持“团结就是力量”的理念，我们深感荣幸能够在项目建设过程中赢得客户的信任与支持。

我们诚挚希望，凭借我们持续的努力与奉献精神，能够继续成为您信赖的合作伙伴，与您携手共进,共同迎接更加美好的未来！

此致敬礼！

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THANH HÓA
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2803041663

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 10 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 05 tháng 01 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIẾN HUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIEN HUNG TRADING AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KIEN HUNG TRADING AND CONSTRUCTION INVESTMENT JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô NP01- NP2- 10 MBQH trung tâm thương mại Đại Siêu Thị Big C, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại: 0916 835 336

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: VŨ VĂN PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 03/02/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 038090006926

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Phố Sơn Vạn, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam



Đỗ Thị Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: HCM-00071272

(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-SXD-QLNGĐXD ngày 07/02/2024)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIẾN HUNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 2803041663

Ngày cấp: Đăng ký cấp lần đầu ngày 17/10/2022;

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa;

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Vũ Văn Phương

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 33/56 phố Tây Gia, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại: 0973774262

Số fax:

Email:

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ): Hạng III;
2. Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp: Hạng II;
3. Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình dân dụng: Hạng II;
4. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật: Hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 07/02/2034./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

TU. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG



Nguyễn Thanh Xuyên

经营领域



投资



室内外装饰工程的设计与施工



咨询



服装的生产与出口



建筑施工



服务贸易

经营原则

对于客户

我们承诺确保项目的质量、信誉和进度，始终倾听并深入理解客户的每一项需求。我们以开放、友好、谦逊和热情的态度与客户沟通，尊重每一位客户，依据客户的需求制定最切合的施工方案，确保为客户提供最佳的服务体验。

与合作伙伴

建立并发展稳固的合作关系，秉承长期合作、互利共赢的原则。确保项目进度和产品质量，持续提升专业水平，以实现长期稳定的发展。

对于人员

我们注重员工培训，致力于提升工作水平和工作风格，逐步实现国际标准。始终为全体员工提供晋升机会，在提高工作效率的同时，我们秉持座右铭：“学习如何成为一个好的领导者，不仅仅是一个好员工”。同时，确保工人们的生活质量持续改善。

对于社会

我们崇敬并遵守商业道德，履行社会责任，严格遵守法律法规。积极致力于环境保护，推动可持续发展，确保为社会创造长期的价值和贡献。



愿景-使命



愿景

凭借丰富的专业知识和与全球著名的合作伙伴多年合作的经验，建兴始终坚定地将优化资源、确保工程质量与进度作为每一项行动的核心目标，致力于为合作伙伴、客户及社会创造持续的价值。

自此，建兴将专注于提供专业建筑服务，紧跟市场需求，特别是满足FDI项目的要求，率先为拥有强大资金实力和全球领先规模的国际合作伙伴实施大型工程项目。



使命

基于这一愿景，我们始终致力于为每个项目创造持久的价值，并为客户带来最大化的利益。

同时，建兴将继续营造一个专业的工作环境，确保员工的幸福感，积极回馈社会，并与社区共同承担责任。

核心价值



合作

在履行各项任务时，我们始终以满足客户对质量、进度及环境安全的高标准需求为目标。同时，我们注重合作精神，与客户建立互惠互利的合作关系。



改进

投资与建设是日新月异的两个领域，建兴公司始终秉承以市场需求为导向，追求卓越、持续改进与创新的精神，敏锐把握行业趋势，洞悉市场脉搏，不断超越自我，以全方位满足客户多样化的投资需求。



热情

我们汇聚了一支经验丰富、充满热情与创造力的工程师团队，始终以客户需求为核心，随时准备与客户深入交流，从质量到技术、从管理到项目效率，悉心打磨每一个细节，确保为客户提供卓越的解决方案和最佳的服务体验。



安全

对于建兴而言，客户的权益始终是第一。因此，我们不仅关注企业员工的安全，更全力以赴保护客户、合作伙伴、承包商、供应商以及所有我们所到之地居民的生命与财产安全，将安全保障贯穿于每一个细节之中。



信誉

在商业活动中，“信”始终被视为第一的核心价值。我们建兴始终坚守这一原则，在任何情况下都恪守诚信，稳固建立信任关系。我们在每一项与客户和合作伙伴的合作中，都秉承互利共赢的理念，力求在实现共同目标的同时，创造长期、稳定的合作伙伴关系。



尽心尽力

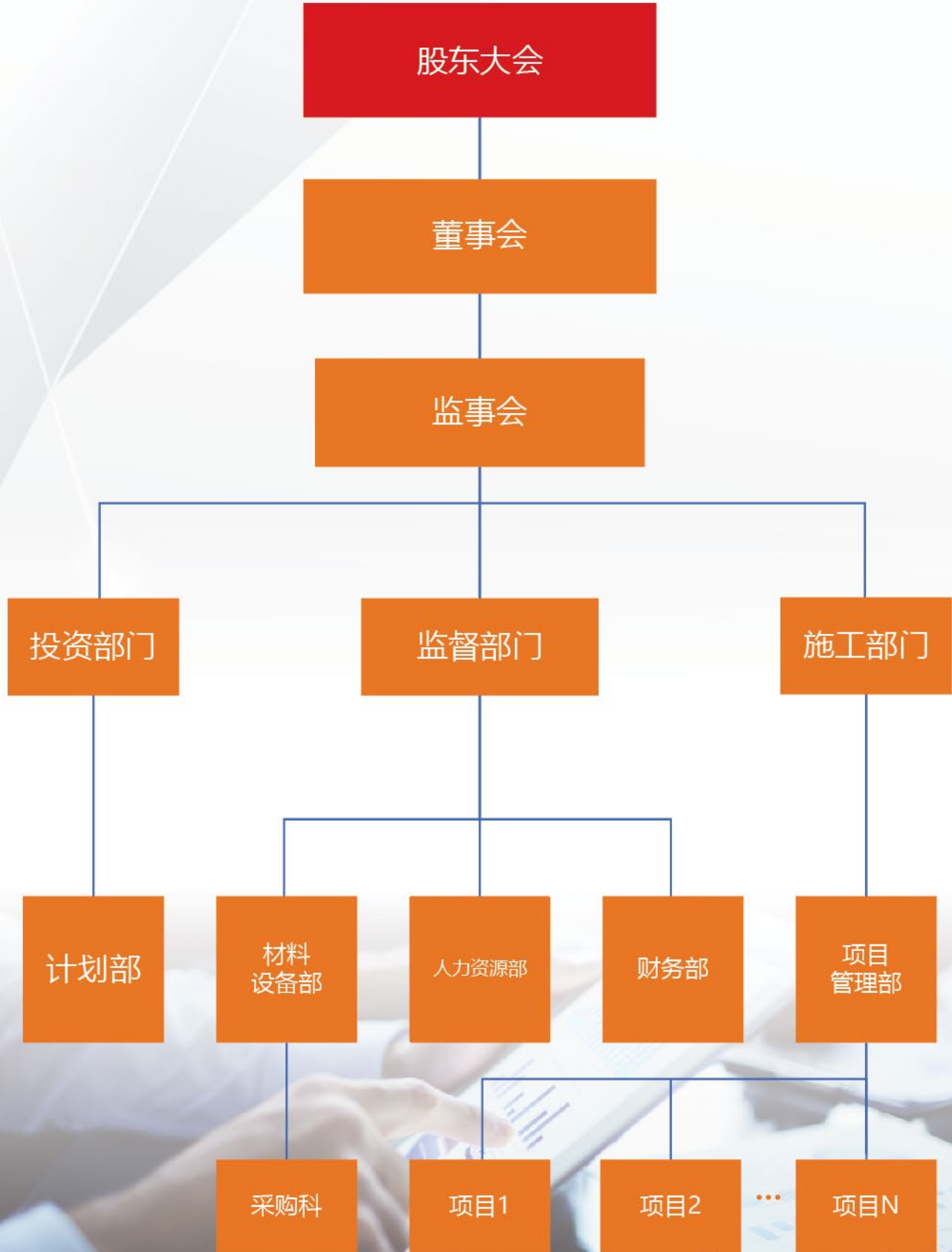
我们始终致力于为客户提供安心、可靠的服务体验。以真诚与热忱为核心，我们竭尽全力快速响应客户需求，力求达到并超越客户的期望，确保客户满意度始终保持在最高水平。同时，我们致力于营造一个专业、积极的工作环境，让每一位员工在公平公正的氛围中安心发展，并获得与其努力相称的回报与价值。

公司的办事处



总部

总部地址：清化省清化市东海坊BIG C超市规划区NP01 - NP2 - 10 地块




120 人事




35 学士/工程师
办公室部门




85 工程师
施工工地



劳动安全

劳动安全规定：

1. 配备完善的劳动保护设施。
2. 工作前进行安全检查。
3. 测量狭窄空间中的氧气浓度。
4. 电力系统必须确保安全。
5. 避开可能掉落重物的区域。
6. 建立防跌落安全网系统。
7. 在指定区域设置护栏系统。
8. 焊接或切割前，检查并隔离易燃物品。
9. 确保工作场所通道的安全与卫生。
10. 下班前进行清洁工作。



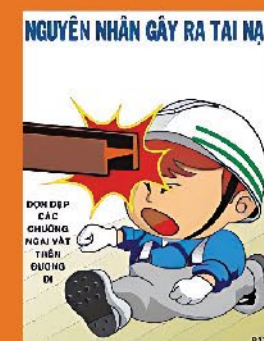
项目安全围网及脚手架系统安全生产是我们项目施工过程中的基本前提

防火防爆
将易燃易爆物料移出焊接切割区



工地整洁美观

急躁匆忙是



防止触电

高空作业跌落风险

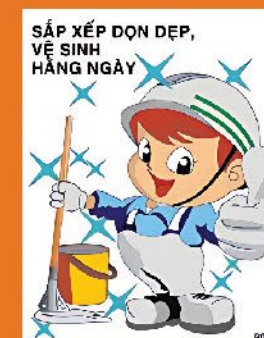


基本高空作业防护装备

基本高空作业防护装备



停止



设备能力



Kato 吊车



卡车



工业混凝土钻机



水准器



牵引车



轮式挖土机



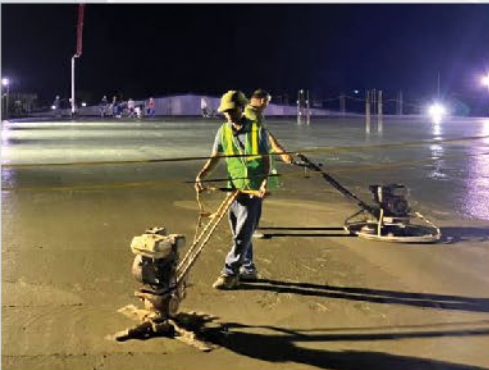
履带式挖掘机



履带式推土机



压路机



打夯机



汽车

每年营业收入增长图

在过去的运营过程中，建兴商务与建筑投资股份公司一直保持着卓越和可持续的增长，并取得了非常令人印象深刻的统计数据。



财务状况报告 (B01a - DNN)

(根据越南财政部2016年8月26日颁布的第133/2016/TT-BTC号通知发布)

2024年2024年 12月31日

适用于符合持续经营假设的企业

纳税人名称:

建兴商务与建筑投资股份公司

税号:

2803041663

税务登记机关: (如有):

税号:

经审计财务报表

支持提取上年度数据

勾选以输入附注栏

审计意见

货币: 越南盾

项目	代码	说明	本年末	本年初
1	2	3	4	5
资产				
I. 货币资金	110		3,865,728,881	6,453,988,923
II. 金融投资	120		0	0
1. 交易性金融资产	121		0	0
2. 持有至到期投资	122		0	0
3. 对其他单位的投资	123		0	0
4. 财务投资减值准备 (*)	124		0	0
III. 应收款项	130		65,055,117,457	27,338,433,706
1. 应收账款	131		27,113,187,362	7,847,749,852
2. 预付款项	132		4,759,802,082	2,603,880,613
3. 内部单位经营资金	133		0	0
4. 其他应收款	134		33,182,128,013	16,886,803,241
5. 待处理财产损益	135		0	0
6. 坏账准备 (*)	136		0	0
IV. 存货	140		30,331,971,653	20,785,240,503
1. 存货	141		30,331,971,653	20,785,240,503
2. 存货跌价准备 (*)	142		0	0
V. 固定资产	150		27,597,840,249	1,472,831,606
1. 原价	151		30,635,187,422	1,618,251,819
2. 累计折旧 (*)	152		-3,037,347,173	-145,420,213
VI. 投资性房地产	160		0	0
1. 原价	161		0	0
2. 累计折旧 (*)	162		0	0
VII. 在建工程	170		0	0
VIII. 其他资产	180		4,516,675,450	2,836,347,352
1. 可抵扣增值税	181		2,355,071,355	394,237,703
2. 其他资产明细 (	182		2,161,604,095	2,442,109,649
资产总计				
(200=110+120+130+140+150+160+170+180)		200	131,367,333,690	58,886,842,090

资金来源					
I. 负债	300		109,249,014,802	49,115,644,997	
1. 应付账款	311		35,181,047,581	28,735,452,347	
2. 预收账款	312		27,405,436,374	16,666,193,294	
3. 应交政府税费	313		669,909,339	121,174,597	
4. 应付职工薪酬	314		0	0	
5. 其他应付款	315		7,697,370,269	0	
6. 借款及融资租赁负债	316		38,295,251,239	3,592,824,759	
7. 合同负债	317		0	0	
8. 预计负债	318		0	0	
9. 奖金及福利基金	319		0	0	
10. 科技发展基金	320		0	0	
II. 所有者权益	400		22,118,318,888	9,771,197,093	
1. 所有者权益	411		20,000,000,000	9,000,000,000	
2. 资本溢价	412		0	0	
3. 实收资本	413		0	0	
4. 库存股 (*)	414		0	0	
5. 汇率差额	415		0	0	
6. 其他资本	416		0	0	
7. 未分配利润	417		2,118,318,888	771,197,093	
资金来源总计 (500=300+400)		500	131,367,333,690	58,886,842,090	
编制人			经手: VU VAN PHUONG		
总会计师			编制日期: 31/03/2025		
执业证书编号					
会计服务提供单位					

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIẾN HƯNG

经营活动成果报告

(根据越南财政部2016年8月26日颁布的第133/2016/TT-BTC号通知发布)

2024年

纳税人名称:

建兴商务与建筑投资股份公司

税号:

2803041663

税务登记机关: (如有):

税号:

☐

支持提取上年度数据

☐

勾选以输入附注栏

货币: 越南盾

项目	代码	说明	本年	上面
1	2	3	4	5
1. 销售商品、提供劳务收入	01		346,634,912,391	161,294,076,247
2. 销售折扣及折让	02		0	0
3. 商品销售净收入 (10=01-02)	10		346,634,912,391	161,294,076,247
4. 销售成本	11		335,570,527,874	156,815,535,456
5. 商品销售毛利 (20=10-11)	20		11,064,384,517	4,478,540,791
6. 财务活动收入	21		1,240,499,453	5,637,221
7. 财务费用	22		1,534,362,202	271,645,839
其中: 利息费用	23		0	0
8. 经营管理费用	24		8,451,442,949	3,616,659,188
9. 经营活动净利润 (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		2,319,078,819	595,872,985
10. 其他收益	31		10,936,000	10,000,000
11. 其他费用	32		0	0
12. 其他利润(40 = 31 - 32)	40		10,936,000	10,000,000
13. 税前会计利润总额 (50 = 30 + 40)	50		2,330,014,819	605,872,985
14. 企业所得税费用	51		466,002,964	121,174,597
15. 所得税后净利润 (60=50 - 51)	60		1,864,011,855	484,698,388

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIẾN HƯNG

现金流量报告				
按照直接法				
(根据越南财政部2016年8月26日颁布的第133/2016/TT-BTC号通知发布)				
2024 年				
纳税人名称: 建兴商务与建筑投资股份公司				
税号: 2803041663				
税务登记机关: (如有):				
税号:				
☐ 支持提取上年度数据 ☐ 勾选以输入附注栏				
货币: 越南盾				
项目	代码	说明	本年	上年
1	2	3	4	5
I. 经营活动产生的现金流量				
1. 销售商品、提供劳务及其他业务收入收到的现金	01		359,245,651,069	205,168,030,270
2. 支付给供应商的现金	02		-317,413,581,838	-164,818,537,802
3. 支付给员工及为员工支付的现金	03		-65,435,741,060	-19,692,418,900
4. 支付的利息费用	04		-1,534,362,202	-271,645,839
5. 已缴纳企业所得税	05		-300,496,052	-81,654,811
6. 经营活动收到的其他现金	06		15,260,213,344	3,323,940,801
7. 经营活动支付的其他现金	07		-38,126,467,813	-22,083,707,277
经营活动产生的现金净流量	20		-48,304,784,552	1,544,006,442
II. 投资活动产生的现金流量				
1. 购置、建造固定资产、不动产及其他长期资产支付的现金流出	21		0	0
2. 处置固定资产、不动产及其他长期资产收回的现金流入	22		0	0
3. 对外贷款及投资支付的现金流出	23		0	0
4. 收回对外贷款及投资收到的现金流入	24		0	0
5. 收到的贷款利息、股息及投资收益现金流入	25		0	0
投资活动产生的现金净流量	30		0	0
III. 筹资活动产生的现金流量				
1. 吸收投资所收到的现金	31		11,000,000,000	0
2. 偿还债务所支付的现金	32		0	0
3. 借款收到的现金	33		59,500,353,099	16,588,103,776
4. 偿还债务支付的现金	34		-24,783,828,589	-14,884,221,267
5. 分配股利、利润或偿付利息支付的现金	35		0	0
筹资活动产生的现金流量净额	40		45,716,524,510	1,703,882,509
现金及现金等价物净增加额(50 = 20+30+40)	50		-2,588,260,042	3,247,888,951
期初现金及现金等价物余额	60		6,453,988,923	3,206,099,972
汇率变动影响	61		0	0
期末现金余额 (70 = 50 + 60 + 61)	70		3,865,728,881	6,453,988,923

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIẾN HƯNG



典型建筑项目与工程

»»

典型建筑项目与工程

序号	项目名称	地址	业主	合同价值	阶段
基础设施					
1	越南SAB实业厂房技术基础	清化省边山市边山工业区A区	越南SAB实业有限公司	51亿越南盾	已完工
2	越南COFO轮胎有限公司污水池里站土建施工	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	20亿越南盾	已完工
3	越南COFO轮胎有限公司隔油池和化粪池土建施工	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	14亿越南盾	已完工
4	越南COFO轮胎有限公司车间道路施工	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	300亿越南盾	已完工
5	越南蓝思第二阶段车间土建项目	北江省、越按县、光州工业园	越南蓝思工艺有限公司	560亿越南盾	已完工
6	晶科能源越南海河光伏电池技术一体化项目	广宁省，广河镇，海河工业区 CN 24, 10.01-10.06 地块和CN 04, 03.01- 03.12地块	晶科太阳能(越南)智造有限公司	200亿越南盾	已完工
7	儿童玩具产品制造加工工厂	太平省钱海县浅海镇浅海工业园	范特西科技有限公司	51亿越南盾	已完工
8	绍武工业区场地平整及基础设施施工工程	越南清化省绍化县绍武乡绍玉村	清兴集团有限责任公司	800 亿越南盾	已完工
民用与工业建筑					
1	越南SAB实业厂	清化省边山市边山工业区A区	越南SAB实业有限公司	435亿越南盾	已完工
2	7500头猪养殖场总包商	清化-石城-石象-石莲	清化省新希望服务与牲畜有限公司	300亿越南盾	已完工
3	宜山米亚包装制作厂家	张林乡宜山经济区第五工业园	宜山米亚有限公司	900亿越南盾	已完工
4	Viet Avis家禽屠宰及出口厂家	清化省黄化县黄贵乡	Viet Avis食物股份公司	900亿越南盾	已完工
5	COFO轮胎厂项目75x113新建成品仓库土建工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	86.9亿越南盾	已完工
6	COFO轮胎厂项目75x113新建成品仓库钢结构工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	122.6亿越南盾	已完工
7	越南COFO轮胎公司项目围墙工程土建施工	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	67亿越南盾	已完工
8	越南COFO轮胎公司项目动力站设备基础、电房及零星工程施工	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	40.6亿越南盾	已完工
9	越南COFO轮胎有限公司项目成品仓库钢结构工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	233.7亿 越南盾	已完工
10	越南COFO轮胎有限公司项目原材料仓库钢结构工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	183.4亿越南盾	已完工
11	越南COFO轮胎有限公司项目原材料仓库土建工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	131.9亿越南盾	已完工
12	越南COFO轮胎有限公司项目成品仓库土建工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	172.7亿越南盾	已完工
13	越南COFO轮胎有限公司项目宿舍楼工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	888.4亿越南盾	已完工
14	越南COFO轮胎有限公司项目办公楼工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	245.8亿越南盾	已完工
15	厚禄县顺禄乡卫生室项目设备购买与土建工程	厚禄县顺禄乡人民委员会	厚禄县顺禄乡人民委员会	105亿越南盾	已完工

序号	项目名称	地址	业主	合同价值	阶段
民用与工业建筑					
16	博达新能越南(6GW)晶硅项目	河南省清廉县清廉工业园	越南ET能量工艺有限公司	1800亿越南盾	已完工
17	COFO轮胎有限公司设备基础、轧钢机起重房、切割器基座的施工，平开与推拉压型钢板门制作及安装	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	7.6亿越南盾	已完工
18	越南COFO轮胎有限公司项目辅助楼屋面保护层和保温工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	7.6亿越南盾	已完工
19	越南COFO轮胎有限公司厂南测院南围墙重建工程	越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区	越南COFO轮胎有限公司	3.9亿越南盾	已完工
20	清化省新希望服务与牲畜有限公司抓猪桥和倒下围墙维修工程	清化-石城-石象-石莲	清化省新希望服务与牲畜有限公司	6.9亿越南盾	已完工
21	清化省新希望服务与牲畜有限公司洗澡室土建工程	清化-石城-石象-石莲	清化省新希望服务与牲畜有限公司	9.6亿 越南盾	已完工
22	清化省新希望服务与牲畜有限公司中转站钢桥	清化-石城-石象-石莲	清化省新希望服务与牲畜有限公司	1.9亿 越南盾	已完工
23	清化省新希望服务与牲畜有限公司项目大门、级配碎石道路、混凝土道路工程	清化-石城-石象-石莲	清化省新希望服务与牲畜有限公司	1.5亿 越南盾	已完工
24	清化省新希望服务与牲畜有限公司项目改造厨房台面成为设备安装柜、不锈钢洗盆、钢制围墙、栏杆工程	清化-石城-石象-石莲	清化省新希望服务与牲畜有限公司	2.2亿 越南盾	已完工
25	清化省新希望服务与牲畜有限公司项目改造门洞成为设备安装柜、烘干房、水池工程	清化-石城-石象-石莲	清化省新希望服务与牲畜有限公司	2.6亿 越南盾	已完工
26	平福养殖有限公司龙新6750+72000育肥洗消中心建设项目工程	龙亲、平福	平福省新希望服务与牲畜有限公司	35亿越南盾	已完工
27	环保型工艺装饰品生产项目第二期项目	越南清化边山市北山坊边山工业园A区南侧，CN-01/03号	英科越南实业有限公司	117亿越南盾	已完工
28	越南巨星智能有限公司三期新建项目	越南海防市水源县南剑桥工业园CN9区	越南巨星智能有限公司	44亿越南盾	已完工
29	联越（越南）有限公司网络与通信终端设备研发、制造3期项目	越南海防市安阳县红风乡安阳工业园	联越（越南）有限公司	96亿越南盾	已完工
30	施工海陽省大安工業區 萬泰(越南)電線電纜有限公司輻照廠房，庫房及附屬土建 工程	海陽省大安工業區	萬泰(越南)電線電纜有限公司	253亿越南盾	已完工
31	时代与创新都市区	越南河南省福利市蓝夏坊	越南太阳股份公司	260亿越南盾	已完工
32	"星宇安防科技越南有限公司工程年产3亿双安全防护手套生产项目二标段项目钢结构工程"	南定省务本县宝明工业区	星宇安防科技越南有限公司	212亿越南盾	正在施工中
33	天能高性能电池生产厂房	义安省、黄梅市、琼荣乡、义安东南经济区、黄梅二号工业区、CN11地块	天能高性能电池（越南）集团有限公	100亿越南盾	已完工
34	宜山MIZA 纸包装生产厂 房-第二阶段	越南清化省宜山市长林乡宜山经济区 KCN 05	宜山米亚有限公司	2,020亿 越盾	正在施工中
35	绍武工业区场地平整及基础设施施工工程	越南清化省绍化县绍武乡绍玉村	清兴集团有限责任公司	800 亿越南盾	已完工
36	剩余混凝土地面及土方开挖平整、转运工程	越南边山市巴厅坊边山工业区B区	Cofo轮胎（越南）有限公司	300亿越南盾	已完工
37	项目名字：办公楼货物仓库（属于协宏鞋业出口工厂项目）	清化省安长乡	协和升集团 - 协宏鞋业股份公司	140亿 越盾	正在施工中
38	万胜服装、毛绒玩具及制鞋工厂 项目工程	清化省农贡乡东财村	珊英农艺一人有新公司	430亿 越盾	正在施工中
39	东明服装及鞋类工厂 项目工程	清化省农贡乡东财村	协和升集团	2,210亿 越盾	正在施工中
40	阿特基(越南)有限公司运动器材生产工厂	清化省，巴亭乡，合隆1 村	越南 OUTDOOR GEAR 有限公司	2,470亿 越盾	正在施工中



7500头猪猪养殖场

地点
清化-石城-石象-石莲

业主
清化省新希望服务与牲畜有限公司

项目面积
110公顷

阶段
在施工



越南COFO轮胎有限公司项目供热站工程

地点
越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区

业主
越南COFO轮胎有限公司

合同价值
318亿越南盾

I级工程

施工阶段
已完成





越南COFO轮胎有限公司项目原材料仓库钢结构工程

地点

越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区

业主

越南COFO轮胎有限公司

合同价值

406亿越南盾

I级工程

施工阶段

已完成



越南COFO轮胎有限公司项目原材料仓库钢结构工程

地点

越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区

业主

越南COFO轮胎有限公司

合同价值

318亿越南盾

施工阶段

已完成





越南COFO轮胎有限公司项目办公楼工程

地点
越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区

业主
越南COFO轮胎有限公司

合同价值
246.6亿越南盾

施工阶段
已完成



越南COFO轮胎有限公司项目宿舍楼工程

地点
越南-清化省-边山市-巴亭坊-边山工业区-B区

业主
越南COFO轮胎有限公司

合同价值
886亿越南盾

施工阶段
已完成





Viet Avis家禽屠宰及出口厂家

地点
清化省黄化县黄贵乡

业主
Viet Avis食物股份公司

项目面积
51,328m²

合同价值
900亿盾

阶段
已完成



越南SAB实业厂土建工程

地点
清化省边山市边山工业区A区

业主
越南SAB实业有限公司

合同价值
500亿越南盾

施工阶段
已完成





越南清化省省边山市东山坊发电厂 烧热生活固体垃圾项目

地址
越南清化省省边山市东山坊

业主
清化天禹新新能环境有限公司

项目面积
104公顷

工程类型
实业和民用用

合同价值
550亿越南南盾

阶段
已完成



厚禄县顺禄乡卫生站土建工程

地址
厚禄县顺禄乡人民委员会

业主
厚禄县顺禄乡人民委员会

合同价值值
212亿

III级级工程

阶段
已完成



平福养殖有限公司龙新6750+72000 育肥洗消中心建设项目工程

地址
龙亲、平福

业主
平福省新希望服务与牲畜有限公司

合同价值
35亿越南盾

阶段
已完成



环保型工艺装饰品生产项目第二期项目

地址
越南清化边山市北山坊边山工业园A区
南侧，CN-01/03号

业主
英科越南实业有限公司

合同价值
117亿越南盾

阶段
已完成





越南巨星智能有限公司三期新建项目

地址
越南海防市水源县南剑桥工业园CN9区

业主
越南巨星智能有限公司

合同价值
44亿越南盾

III级工程

阶段
已完成



越南巨星智能有限公司三期新建项目

地址
越南海防市安阳县红枫乡安阳工业园CN7-B-11, B-12 地块

业主
越南巨星智能有限公司

项目面积
92030m2

合同价值
96亿越南盾

阶段
在施工





施工海陽省大安工業區 萬泰(越南)
電線電纜有限公司輻照廠房，庫房及

附屬土建 工程
地址
海陽省大安工業區

業主
萬泰(越南)電線電纜有限公司

項目面積
15000m²

合同價值
253億越南盾

階段
已完成



星宇安防科技越南有限公司工程年產
3億雙安全防护手套生產項目二標
段項目鋼結構工程

地址
南定省務本縣寶明工業區

業主
星宇安防科技越南有限公司

項目面積
約610.000m²

合同價值
212億越南盾

階段
在施工





时代与创新都市区

地址
越南河南省福利市蓝夏坊

业主
越南太阳股份公司

合同价值
246亿越南盾

建筑面积

地下室：01层 (3.500m²)
地上栋楼：9层 (16.500m²)

II级工程

阶段
已完成





天能高性能电池生产厂房t

地址：
义安省、黄梅市、琼荣乡、义安东南经济区、黄梅二号工业区、CN11地块

投资方：
天能高性能电池（越南）集团有限公司

面积：
111,000平方米

项目阶段：
已完成



博达新能越南(6GW)晶硅项目

地点
河南省清廉县清廉工业园

业主
越南ET能量工艺有限公司

合同价值
1800亿越南盾

II级工程

施工阶段
已完成





宜山米亚包装制作厂家

地点

张林乡宜山经济区第五工业园

业主

宜山米亚有限公司

项目面积

4公顷

阶段

已完成



46



宜山MIZA 纸包装生产厂房-第二阶段

地址:

越南清化省宜山市长林乡宜山经济区 KCN 05

投资方:

Miza 宜山有限责任公司

面积:

约 16,000 平方米

工程等级:

一级民用工程

合同金额: 2,020亿 越盾

项目阶段:

正在施工中



47



项目名字：办公楼货物仓库
(属于协宏鞋业出口工厂项目)

业主：协和升集团 - 协宏鞋业股份公司

地点：清化省安长乡
建设总面积：4,452 m²

合同金额：140亿 越盾
(约 53.8万美金)

阶段：施工中



项目名字：阿特基
(越南)有限公司运动器材生产工厂

业主：越南 OUTDOOR GEAR 有限公司

地点：清化省，巴亭乡，合隆1 村

建设总面积：110,000 m²

合同金额：2,470亿 越盾
(约 950万美金)

阶段：施工中





项目名字:
东明服装及鞋类工厂项目工程

业主: 协和升集团

地点: 清化省农贡乡东财村

建设总面积: 33,782 m²

合同金额: 2,210亿 越盾
(约 850万美金)

阶段: 施工中



项目名字:
万胜服装、毛绒玩具及制鞋工厂项目工程

业主: 珊英农艺一人有新公司

地点: 清化省农贡乡东财村

建设总面积: 20,000 m²

合同金额: 430亿 越盾
(约 164.3万美金)

阶段: 施工中





建兴商务与建筑投资股份公司

地址: 清化省鹤城坊Big C大超市规划平面NP01- NP2 10地块

Hotline: 0973 774 262 | **Email:** Contact@xaydungkienhung.com

Website: Xaydungkienhung.com